

Bản án số: 53/2020/HSST.

Ngày: 06 – 5 - 2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Hữu Độ.

2/ Bà Hoàng Thị Hòa.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*** Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/HSST ngày 11/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST - HS 24 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1991 tại YM, Ninh Bình. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Đội 2, thôn TĐ, xã KT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Nguyễn Văn C và bà Ninh Thị T; TATS: Theo Danh, chỉ bản 594 của Công an huyện Đông Anh lập ngày 24/11/2019 và Trích lục tiền án, tiền sự số 2326442/PV06 ngày 30/12/2019 thể hiện bị cáo không có tiền sự, có 03 tiền án:

- Bản án số 67/2013/HSST ngày 14/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, Nam Định tuyên phạt 36 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Bản án số 32/2013/HSST ngày 29/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, Ninh Bình tuyên phạt 15 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số 34/2014/HSST ngày 27/08/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, Nghệ An tuyên phạt 18 tháng tù giam về tội Trốn khỏi nơi giam (bản án xác định là tái phạm). Tổng hợp hình phạt: 5 năm 9 tháng tù giam. Chấp hành xong hình phạt ngày 20/6/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Hồng T**, sinh năm 1981 tại thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 14, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Trần Văn Z và bà Ngô Thị L; Tiền án, tiền sự: Theo Danh, chỉ bản 080 của Công an huyện Đông Anh lập ngày 18/01/2020 và Trích lục tiền án, tiền sự số 2415532/PV06 ngày 06/3/2020 thể hiện bị cáo không có tiền sự, tiền án; Nhân thân: Không có tiền sự, tiền án. Chức vụ đoàn thể : Đảng viên. Đảng bộ phường TS, thành phố TĐ, Ninh Bình đã thực hiện thủ tục xóa tên Đảng viên Trần Hồng T theo quy định tại Hướng dẫn số 09 ngày 05/6/2017 về nghiệp vụ công tác Đảng.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Thị H**, sinh năm 1985 tại thành phố NB, tỉnh Ninh Bình. Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số nhà 01 phố Đ, phường NB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Trần Văn V (đã chết) và bà Trần Thị D (đã chết); Tiền án, tiền sự: Theo Danh, chỉ bản 109 của Công an huyện Đông Anh lập ngày 10/02/2020 và Trích lục tiền án, tiền sự số 2442412/PV06 ngày 18/02/2020 thể hiện bị cáo không có tiền sự, tiền án; Nhân thân: Không có tiền sự, tiền án.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Thôn ĐH, xã BS, thị xã SC, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở: Thôn H B, xã HB, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Thành C1, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã MĐ, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở: Thôn HB, xã HB, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1987; Hộ khẩu thường trú: Thôn ĐH, xã BS, thị xã SC, tỉnh Thái Nguyên; anh Phạm Thành C1, sinh năm: 1990; Hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã MĐ, huyện PY, tỉnh Thái Nguyên và Nguyễn Văn N cùng làm thợ

cơ khí, lắp ghép kết cấu công trình, ở chung phòng thuê trọ của bà Vũ Thị K, sinh năm: 1967 tại HB, HB, ĐA, Hà Nội.

Tối ngày 15/11/2019, N cùng anh Nguyễn Văn C và anh Phạm Thành C1 ngủ tại gác xép trong phòng trọ. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/11/2019, N tỉnh dậy quan sát thấy anh Nguyễn Văn C và anh Phạm Thành C1 ngủ say nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N dậy, trộm cắp: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 vỏ màu đen gắn 02 sim điện thoại số thuê bao 0977221433 và 0915879330, 01 chiếc ví da màu nâu (bên trong có 8.000.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C, 01 thẻ ATM BIDV mang tên “NGUYEN VAN C”, 01 thẻ ATM BIDV mang tên “NGUYEN THI U”, 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 20B1 – 654.xx mang tên Nguyễn Văn C của anh Nguyễn Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K vỏ màu đỏ, gắn 02 sim điện thoại số thuê bao 0978000846 và 0913900846 của anh Phạm Thành C1 đặt tại sàn gác xép cất giấu vào túi quần bò. Biết cổng khu trọ đã khóa, N lấy chìa khóa cổng tại giường tầng 1 đi ra mở cổng rồi quay lại phòng trọ và đặt chìa khóa vào vị trí cũ, N đi đến khu bếp lấy 01 chìa khóa xe máy, mở khóa điện chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty biển kiểm soát 20H1-327.xx dựng tại sân tầng 1 của phòng trọ (bên trong cốp xe có 01 kính mắt sẫm màu, 01 áo khoác gió màu đen) của anh Phạm Thành C1. N dắt xe máy biển kiểm soát 20H1-327.xx ra khỏi khu trọ rồi nổ máy, điều khiển xe đi khoảng 500m thì dừng lại cất điện thoại, ví vừa trộm cắp được vào cốp xe và điều khiển xe đi về thành phố NB, tỉnh Ninh Bình tìm nơi tiêu thụ.

Khoảng 01 giờ 00 phút cùng ngày, anh Nguyễn Văn C và anh Phạm Thành C1 phát hiện bị trộm cắp tài sản, không thấy N trong phòng nên liên lạc điện thoại với N nhưng không được. Anh Nguyễn Văn C kiểm tra camera an ninh của khu trọ xác định N đã trộm cắp tài sản.

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 17/11/2019, N liên lạc điện thoại cho Trần Thị H nói “có chiếc xe Liberty, 2 triệu, không giấy tờ, em mua không”, H trả lời “em không có tiền mua”.

Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, H đi uống nước cùng Trần Hồng T, H hỏi ý kiến T “bạn em có cái xe liberty bán 2 triệu, không giấy tờ, em có mua được không?”. T nói “bảo bạn em bán cho anh, anh mua về chở rau” (BL 291, 295, 303). H liên hệ điện thoại cho N, hẹn gặp nhau tại quán cà phê A, địa chỉ: 384 B, phường NB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình để mua bán xe. N đồng ý.

Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, N điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty, biển kiểm soát 20H1-327.xx đến quán cà phê A gặp H và T. H giới thiệu với N về T là người muốn mua xe. N nói “bây giờ em có cái xe Liberty, nhẽ ra

em bán 6 triệu, em đang nợ H 4 triệu, giờ đưa cho em 2 triệu, anh có mua thì mua”, T nói “mua bán phải có giấy tờ” và nhờ H viết giấy, H đồng ý. H viết “vào hồi 19h ngày 17/11/2019 anh Nguyễn Văn N, trú quán Xóm 2, T Đ, KT, YM, Ninh Bình có bán cho anh T ở TĐ chiếc xe Liberty giá 2 triệu” và đưa cho N ký tên rồi giao giấy cho T. T đưa cho N số tiền 2.000.000 đồng. N nhận tiền, nói “chỗ quen biết với H thì em nói thật với anh luôn, xe của thằng bạn em nháy được ở trên Thái Nguyên, xe không giấy tờ, chỉ đi trong tỉnh thôi”, T biết là xe do trộm cắp mà có nhưng do giá rẻ nên vẫn mua, đồng thời trả lời “xe chúng mày trộm cắp ở đâu tao không biết, mày bán thì tao mua, xe này mua về cũng chỉ để chở rau đi bán, công an có hỏi thì bảo chưa đưa giấy tờ”. N giao xe máy Piaggio Liberty biển kiểm soát 20H1-327.xx cho T tại cửa quán. T điều khiển xe máy đi về. H điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius (của T sử dụng khi đi đến quán) cùng ra về. Quá trình đi, T hỏi H “xe trộm cắp lâu chưa”, H trả lời “em không biết”. T điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty mua được đến gửi tại nhà chị gái T là: Chị Trần Thị P, sinh năm: 1976; trú tại: Tổ 2, T S, TĐ, Ninh Bình. T nói “cho em gửi cái xe”, chị P hỏi “xe của ai đấy”, T nói dối “xe của bạn em” rồi điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius đưa H về nhà.

Sáng ngày 18/11/2019, H liên hệ điện thoại cho N nói “đấy là T mua chứ có phải em mua đâu mà trừ nợ em”, N trả lời “tưởng ông T mua xe cho em”. N rủ H đi chơi, H đồng ý. Quá trình đi chơi tại Trung tâm thương mại Big C thuộc phường NP, NB, Ninh Bình, H tiếp tục hỏi N về nguồn gốc chiếc xe máy Piaggio Liberty gắn biển kiểm soát 20H1-327.xx, N nói chiếc xe là do N trộm cắp mà có. H liên lạc điện thoại cho T thông báo “chiếc xe là N trộm, không phải bạn N trộm”. T không nói gì.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 18/11/2019, N mang chiếc điện thoại Samsung Galaxy S10 trộm cắp được đến một cửa hàng điện thoại tại thành phố NB, tỉnh Ninh Bình (không xác định cụ thể vị trí, địa chỉ và tên chủ cửa hàng) chạy lại phần mềm, xóa mật khẩu rồi tiếp tục mang đến cửa hàng điện thoại khác tại thành phố NB, tỉnh Ninh Bình (không xác định cụ thể vị trí, địa chỉ và tên chủ cửa hàng) bán với giá 4.000.000 đồng. Khi thỏa thuận mua bán, N nói với chủ cửa hàng là điện thoại của N không dùng nữa, muốn bán.

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 19/11/2019, N mang chiếc điện thoại OPPO A1K màu đỏ trộm cắp được đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Bùi Xuân L, sinh năm: 1984; Hộ khẩu thường trú: Số 9, phố 11, phường VG, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: 247 NT, phường T B, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình bán. N nói với anh L “có chiếc điện thoại không dùng nữa, muốn bán”. Anh L đồng ý mua và trả cho N 1.500.000 đồng. Ngày 21/11/2019, anh L bán chiếc điện thoại OPPO A1K cho khách (không xác định được nhân thân lai lịch) với giá 1.850.000 đồng.

Số tiền bán xe máy, điện thoại trộm cắp được, N sử dụng để mua ví giả da, điện thoại, đồng hồ và chi tiêu cá nhân còn 43.000 đồng. N giữ lại 01 chứng minh nhân dân số 091651622 mang tên Nguyễn Văn C, 01 thẻ ATM BIDV mang tên “NGUYEN VAN C”, 01 thẻ ATM BIDV mang tên “NGUYEN THI U” , 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 20B1 – 654.xx mang tên Nguyễn Văn C mục đích gửi trả anh Nguyễn Văn C.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 21/11/2019, N quay lại HB, ĐA, Hà Nội tìm cách trả lại giấy tờ cho anh Nguyễn Văn C. Khi N lên xe buýt số 46 tại điểm dừng xe buýt thuộc HB, ĐA, Hà Nội thì bị anh Nguyễn Văn C và anh Phạm Thành C1 phát hiện. Anh Phạm Thành C1 đi xe máy bám theo, anh Nguyễn Văn C đến đồn Công an E thuộc Công an huyện Đông Anh trình báo sự việc. Khi bị cáo N đến địa phận phường CN, BT, Hà Nội thì bị lực lượng Công an Đồn E phối hợp cùng Đội 6- Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội và Đội Cảnh sát trật tự phản ứng nhanh- Công an quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội mời về trụ sở làm việc.

Ngày 22/11/2019, sau khi được Cơ quan công an huyện Đông Anh mời lên làm việc và khai nhận việc liên quan đến chiếc xe máy N trộm cắp, H liên lạc cho T đề nghị mang chiếc xe Piaggio Liberty, biển kiểm soát 20H1-327.xx đã mua từ N đến cho H để giao nộp cho Cơ quan Công an, T đồng ý. Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23/11/2019, T điều khiển xe máy biển kiểm soát 20H1-327.xx đến giao cho H. Ngày 03/12/2019, H giao nộp chiếc xe máy Piaggio Liberty cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng tạm giữ :

- Của Nguyễn Văn N: 01 thẻ ATM BIDV mang tên "NGUYEN THI U", 01 thẻ ATM BIDV mang tên "NGUYEN VAN C", 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C, 01) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát : 20B1 – 654.xx mang tên Nguyễn Văn C, 01 kính mắt sẫm màu in chữ "Porsche", 01 áo khoác gió màu đen, 01 ví giả da màu đen, 01 điện thoại Iphone 5, màu trắng - xám ( kèm sim số 0345344591), 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HALEI và 43.000 đồng.

- Của Trần Thị H: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty gắn biển kiểm soát 20H1-327.xx, sơn màu trắng.

- Của Nguyễn Văn C: 01 chiếc USB màu xanh lưu giữ hình ảnh N trộm cắp tài sản.

Ngày 19/12/2019, Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty biển kiểm soát 20H1-327.xx trị giá 31.500.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K trị giá 1.200.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 trị giá 10.000.000 đồng, 04 chiếc sim điện thoại số

thuê bao 0978000846, 0913900846, 0977221433 và 0915879330 có tổng trị giá 200.000 đồng, 01 chiếc áo khoác màu đen trị giá 60.000 đồng, 01 chiếc kính mắt sẫm màu trị giá 200.000 đồng và 01 chiếc ví da màu nâu trị giá 200.000 đồng, Tổng trị giá tài sản là: 43.360.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Vậy, tài sản Nguyễn Văn N chiếm đoạt trị giá 51.360.000 đồng.

Trần Thị H khai nhận: Ngày 18/11/2019, H biết chiếc xe máy Piaggio Liberty, biển kiểm soát 20H1-327.xx là do N trộm cắp mà có nhưng không tố giác, N phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, hành vi của Trần Thị H phạm tội Không tố giác tội phạm.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N, Trần Hồng T và Trần Thị H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ.

Đối anh Bùi Văn L đã có hành vi thu mua chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A1K từ Nam, khi mua không biết điện thoại là do trộm cắp mà có nên không phạm tội, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chủ cửa hàng điện thoại đã chạy lại phần mềm chiếc điện thoại Samsung Galaxy S10 và chủ cửa hàng điện thoại đã thu mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy S10. N không xác định được vị trí, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không làm rõ được.

Đối với chị Trần Thị P khi T gửi chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty gắn biển kiểm soát 20H1-327.xx không nói cho chị P biết xe là tài sản trộm cắp nên không phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 01 thẻ ATM BIDV mang tên "NGUYEN THI U", 01 thẻ ATM BIDV mang tên "NGUYEN VAN C", 01 chứng minh nhân dân số 091651622 mang tên Nguyễn Văn C, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát : 20B1 – 654.xx mang tên Nguyễn Văn C là tài sản, giấy tờ hợp pháp của anh Nguyễn Văn C. Ngày 26/12/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Nguyễn Văn C.

Đối với 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy S10 màu đen, N không nhớ vị trí, địa chỉ cửa hàng điện thoại N bán; 01 chiếc ví da màu nâu, 02 chiếc sim điện thoại số thuê bao 0977221433 và 0915879330, N vút trên đường thuộc thành phố NB, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Anh Nguyễn Văn C đề nghị N phải bồi thường số tiền 18.300.000 đồng tương đương số tiền và giá trị tài sản anh Nguyễn Văn C bị mất.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty gắn biển kiểm soát 20H1-327.xx, 01 kính mắt sẫm màu in chữ "Porsche", 01 áo khoác gió màu đen là tài sản

hợp pháp của anh Phạm Thành C1. Ngày 26/12/2019, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Phạm Thành C1.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A1K màu đỏ, sau khi mua từ N, anh L đã bán cho khách hàng (không xác định được nhân thân lai lịch), 02 (hai) sim số thuê bao 0978000846 và 0913900846 N vứt trên đường thuộc thành phố NB, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Do giá trị tài sản nhỏ nên anh Phạm Thành C1 không đề nghị bồi thường dân sự, đề nghị xử lý nghiêm N theo quy định pháp luật.

Đối với tờ giấy mua bán do H viết và giao cho T. T khai khi về nhà đã cho vào máy giặt cùng quần áo khiến tờ giấy bị nát và đã vứt đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 chiếc USB màu xanh chứa nội dung hình ảnh liên quan đến vụ án, có giá trị chứng minh tội phạm, đã chuyển theo hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh phục vụ công tác xét xử.

Đối với 01 ví giả da màu đen; 01 điện thoại Iphone 5, gắn sim số: 0345344591; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HALEI, N khai sử dụng tiền trộm cắp được để mua, số tiền 43.000 đồng là tiền N trộm cắp mà có, là vật chứng của vụ án, đã chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng T sử dụng để mua chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty gắn biển kiểm soát 20H1-327.xx từ N. T nhận thức hành vi của mình là phạm pháp, không đề nghị giải quyết.

Đối với số tiền 350.000 đồng anh L thu lợi từ việc bán chiếc điện thoại OPPO A1K, cơ quan điều tra chưa thu hồi.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-ĐA ngày 09/3/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo Điểm c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Trần Hồng T về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo Trần Thị H về tội Không tố giác tội phạm theo Khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi của mình như cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được, với lời khai của nhau. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c, g Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Xử phạt:*

Nguyễn Văn N: Từ 03 năm tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Xử phạt:*

Trần Hồng T: Từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 390, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Xử phạt:*

Trần Thị H: Từ 06 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 20 tháng.

Về phần dân sự: Buộc Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C số tiền 18.300.000 đồng tương đương với số tiền và giá trị tài sản mà anh C bị N lấy trộm và không thu hồi được tài sản gồm: 01 điện thoại Samsung Galaxy S10 màu đen trị giá 10.000.000 đồng, 01 ví da màu nâu trị giá 200.000 đồng; 02 sim điện thoại trị giá 100.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền mặt trong ví.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán điện thoại OPPO A1K là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Thành C1 không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho anh giá trị các tài sản không thu hồi được gồm: 01 điện thoại OPPO A1K trị giá 1.500.000 đồng, 02 sim điện thoại trị giá 100.000 đồng.

Về phần vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 ví giả da màu đen và sim số 0345344591 thu của bị cáo N; Đối với 01 điện thoại Iphone 5; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HALEI, số tiền 43.000 đồng là tài sản của bị cáo mua từ số tiền bán các tài sản trộm cắp được nên thu giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.



[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Khoảng 00h30' ngày 16/11/2019 tại H B, HB, ĐA, Hà Nội, Nguyễn Văn N đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S10 vỏ màu đen gắn 02 sim điện thoại số thuê bao 0977221433 và 0915879330, 01 chiếc ví da màu nâu (bên trong có 8.000.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn C, 01 thẻ ATM BIDV mang tên "NGUYEN VAN C", 01 thẻ ATM BIDV mang tên "NGUYEN THI U" , 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát: 20B1 – 654.xx mang tên Nguyễn Văn C của anh Nguyễn Văn C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K vỏ màu đen - đỏ, gắn 02 sim điện thoại số thuê bao 0978000846 và 0913900846, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty gắn biển kiểm soát 20H1-327.xx, 01 kính mắt sẫm màu in chữ "Porsche", 01 áo khoác gió màu đen của anh Phạm Thành C1. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Văn N trộm cắp là: 51.360.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà. Bị cáo Nguyễn Văn N đã từng bị kết án theo bản án số 34/2014/HSST ngày 27/08/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, Nghệ An tuyên phạt 18 tháng tù giam về tội Trốn khỏi nơi giam và tổng hợp với hình phạt của bản án trước chưa chấp hành xong, bản án xác định bị cáo tái phạm. Bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt của bản án này vào ngày 20/6/2019 và ngày 16/11/2019 bị cáo đã tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên theo quy định tại Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì "Tái phạm nguy hiểm" được xác định là một tình tiết định khung theo Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên áp dụng tình tiết này là tình tiết định khung tăng nặng; Giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 51.360.000 đồng và theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 xác định là tình tiết định khung tăng nặng. Do vậy, bị cáo N phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 với 02 tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại Điểm c và g. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản theo Điểm c, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Trần Hồng T: Khoảng 19h00' ngày 17/11/2019 tại quán cà phê A, địa chỉ 384 B, NB, NB, Ninh Bình, Trần Hồng T có hành vi tiêu thụ 01 xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty gắn biển kiểm soát 20H1-327.xx mặc dù biết rõ chiếc xe là do trộm cắp mà có. Trị giá chiếc xe máy là 31.500.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên toà. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần

Hồng T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Trần Thị H: Ngày 17/11/2019, Trần Thị H biết rõ Nguyễn Văn N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng không tố giác. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, các tài liệu điều tra vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hành vi trộm cắp của Nguyễn Văn N bị truy tố theo quy định của Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Thị H phạm tội Không tố giác tội phạm theo Khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định:

Bị cáo Nguyễn Văn N ngoài các tình tiết tăng nặng đã được xác định là tình tiết tăng nặng định khung bị cáo không phải chịu các tình tiết tăng nặng khác.

Các bị cáo Trần Hồng T và Trần Thị H không phải chịu các tình tiết tăng nặng. Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Hồng T và Trần Thị H đều thành khẩn khai báo hành vi của mình và ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo N đã từng bị kết án về nhiều loại tội nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cho thấy bị cáo không chịu tu dưỡng bản thân nên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với mức độ hành vi và giảm nhẹ một phần cho bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Trần Hồng T, Trần Thị H đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với mức độ hành vi và giảm nhẹ một phần cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giúp đỡ, giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về phần dân sự: Đối với các tài sản bị trộm cắp đã thu hồi và được trao trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự đối với các tài sản này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với các tài sản bị trộm cắp mà không thu hồi được: Buộc Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C số tiền 18.300.000 đồng tương đương với số tiền và giá trị tài sản mà anh C bị mất gồm: 01 điện thoại Samsung Galaxy S10 màu đen trị giá

10.000.000 đồng, 01 ví da màu nâu trị giá 200.000 đồng; 02 sim điện thoại trị giá 100.000 đồng và 8.000.000 đồng tiền mặt trong ví.

Bị cáo N bán chiếc điện thoại OPPO A1K lấy trộm của anh Phạm Thành C1 cho anh Bùi Văn L với giá tiền là 1.500.000 đồng và anh L đã bán lại cho người khác với giá 1.850.000 đồng. Tuy nhiên anh Phạm Thành C1 không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc điện thoại đã trộm cắp cho mình nên buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp lại số tiền đã bán chiếc điện thoại OPPO A1K lấy trộm của anh Phạm Thành C1 là 1.500.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Anh Bùi Văn L mua điện thoại do N trộm cắp của anh Phạm Thành C1 nhưng hoàn toàn không biết là tài sản đó do N trộm cắp được mà có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Thành C1 không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho anh giá trị các tài sản không thu hồi được gồm: 01 điện thoại OPPO A1K, 02 sim điện thoại.

[5] Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 ví giả da màu đen và sim số 0345344591; Đối với 01 điện thoại Iphone 5, gắn; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HALEI, số tiền 43.000 đồng là tài sản của bị cáo mua từ số tiền bán các tài sản trộm cắp được nên thu giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo N phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự cho bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị phải bồi thường theo quy định của pháp luật là:  $18.300.000 \times 5\% = 915.000$  đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên.**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Trần Hồng T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Căn cứ Điểm c, g Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn N 45 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2019.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Hồng T 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Hồng T cho Ủy ban nhân dân phường T S, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

Căn cứ Khoản 1 Điều 390, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Thị H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường NB, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách bản án.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù cho bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2017; Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về phần dân sự: Buộc Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C số tiền 18.300.000 đồng (Mười tám triệu, ba trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N có trách nhiệm nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc bán điện thoại OPPO A1K là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Thành C1 không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường cho anh giá trị các tài sản không thu hồi được gồm: 01 điện thoại OPPO A1K, 02 sim điện thoại.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 ví giả da màu đen và sim số 0345344591; Đối với 01 điện thoại Iphone 5, gắn; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu HALEI, số tiền 43.000 đồng là tài sản của bị cáo mua từ số tiền bán các tài sản trộm cắp được nên thu giữ để đảm bảo cho việc thi hành án (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện Đông Anh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 09/3/2020 và Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 09/3/2020 tại Kho bạc nhà nước huyện Đông Anh).

Bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Hồng T, Trần Thị H phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 915.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Đảng bộ phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình;
- VKS ND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thanh**